

ĐỀ NGOẠI NHI 2017 (ĐỀ A)

Câu 1: Các hội chứng di truyền như Beckwith – Wiedemann, W.A.G.R đa polyp gia đình hoặc tật phì đại chi, lỗ tiểu thấp cần phát hiện bướu ác đặc trẻ em trong 4 năm đầu cuộc sống vì:

- A. Có liên quan đến tiên lượng trong ung bướu nhi
- B. Có tần suất gặp bướu ác đặc cao hơn so với trẻ thường**
- C. Làm diễn tiến bệnh ung bướu xấu hơn so với trẻ thường
- D. Đáp ứng điều trị kém hơn so với trẻ thường
- E. Do phát hiện và điều trị ung bướu giai đoạn sớm nên có tiên lượng tốt**

Câu 2: Quan điểm phẫu thuật làm giảm thiểu tổng số khối tế bào bướu tạo thuận lợi sau cho hóa trị hoặc xạ trị KHÔNG ĐÚNG vì

- A. Làm rơi vãi tế bào bướu
- B. Tăng nguy cơ gieo rắc tế bào tại chỗ, tại vùng và di căn xa âm thầm
- C. Làm chậm phát triển khối bướu nguyên phát nên tạo cơ may đáp ứng điều trị đa mô thức
- D. Cắt bướu sớm tránh biến chứng xuất huyết do vỡ bướu tạo nên cơ may đáp ứng điều trị đa mô thức**
- E. Mục đích cuối cùng của phẫu thuật trị là cắt trọn bướu hoàn toàn (không sót bướu về vi thể R0) hoặc sót bướu vi thể R1 và yêu cầu phải tránh làm sót bướu đại thể hoặc vỡ bướu R2**

Câu 3: Chống chỉ định trong sinh thiết bướu thận

- A. Bướu dạng nang
- B. Bướu nghi ngờ xuất huyết hay dọa vỡ**
- C. A và B đúng
- D. Trẻ có di căn phổi
- E. Trên hình ảnh chẩn đoán có những dấu hiệu ít gặp trong bướu Wilms như có canxi, bướu lan xa ngoài thận và hạch rốn thận

Câu 4: Theo dõi sau điều trị Hepatoblastoma cần làm

- A. Định lượng AFP trong máu
- B. .
- C. AFP trong máu tăng mà không rõ lý do: chụp CT phổi , bụng, não
- D. Trong trường hợp tái phát nên hội chẩn nhóm TBM để điều trị lại
- E. Tất cả đều đúng**

Câu 5: Trẻ gái 10-18 tuois có khối u dạng nang một bên buồng trứng có vách dày. cần bướu ác:

- A. Bướu có nguồn gốc từ tế bào mầm nguyên thủy**
- B. Bướu Krukenberg
- C. Lymphoma buồng trứng
- D. Serous cyst adenocarcinoma với CA 125 tăng
- E. Dermoid cyst

Câu 6: Bướu vùng cụt ở trẻ sơ sinh có dạng quả tạ gồm phần bướu ác nằm chìm trước vùng xương cụt và phần lộ ra ngoài dễ thấy được xếp vào nhóm

- A. Rhabdomyosarcoma
- B. Lymphoma
- C. Germ –cell tumors**

D. Nėuoblastoma

E. Sarcoma kėm biėt hóa

Câu 7: Nồng độ AFP rất có ý nghĩa trong loại ung thu

A. Hepatocell carcinoma

B. Hepatoblastoma

C. Germ-cell tumors

D. Rhabdomyosarcoma

E. A, B, C đúng

Câu 8: Chỉ định sinh thiết hạch cổ ở trẻ em

A. Tính chất hạch, kích thước tăng 3 chiều

B. Điều trị KS nhưng ko giảm kích thước sau 2 – 3 tuần

C. Hạch ko lớn nhưng ko giảm kích thước sau 5 – 6 tuần hoặc sau 6 – 12 tuần ko trở về bình thường

D. Có kèm sốt trên 2 tuần, thiếu máu, gan lách to

E. Tất cả đúng

Câu 9: Điều nào sau đây không đúng về bệnh Hirschsprung

A. Nữ gặp nhiều hơn nam

B. Tỷ lệ mắc tăng trong hội chứng Down

C. Không có hạch thần kinh trong đám rối Auerbach

D. Thường không đi kèm trong tình trạng viêm ruột

E. Có thể ảnh hưởng đến ruột non

Câu 10: Bé trai 1 tuổi nhập viện vì tiêu bón kéo dài từ 6 tháng tuổi. các triệu chứng sau đây là phù hợp với bệnh Hirschsprung, TRỪ:

A. Tiền căn chậm tiêu phân su

B. Suy dinh dưỡng

C. Đặt thông hậu môn thấy phân lỏng, hôi, xám trào ra

D. Sờ thấy u phân

E. Vàng da

Câu 11: Dấu hiệu nào trong thăm khám lâm sàng gợi ý bệnh Hirschsprung

A. Tiêu phân su và giờ 24 sau sanh

B. Dấu tháo cống

C. Hậu môn thực tràng không hẹp Ruột bên dưới chỗ hẹp có kích thước nhỏ hơn bình thường

D. A và B

E. Câu A, B và C

Câu 12: Cận lâm sàng sau đây dùng để chẩn vàng để chẩn đoán bệnh Hirschsprung

A. X quang bụng không sửa soạn thấy khung đại tràng dẫn, ú hơi

B. X quang đại tràng cản quang thấy hình ảnh một đoạn hẹp ở trực tràng bên ... dẫn to

C. Giải phẫu bệnh không có tế bào hạch thần kinh trong hai lớp cơ ruột

D. Câu B và C

E. Tất cả đều đúng

Câu 13: Hình ảnh x quang đại tràng cản quang của bệnh Hirschsprung

- A. Có đoạn chuyển tiếp theo sau đoạn hẹp và phía trên là đoạn dẫn
- B. Khẩu kính của thực tràng nhỏ hơn đại tràng xích ma
- C. Chậm thải thuốc sau 24 giờ
- D. Câu A và B
- E. Tất cả đều đúng

Câu 14: Điều trị phù hợp đối với bệnh Hirschsprung

- A. Phải mổ ngay khi có chẩn đoán
- B. Có thể điều trị hỗ trợ trước, gồm thụt tháo và nong hậu môn
- C. Điều trị viêm ruột nếu có
- D. Câu A và B
- E. Câu B và C

Câu 15: Triệu chứng nào sau đây gợi ý nang đường mật ở trẻ em

- A. Đau bụng
- B. Sốt
- C. Vàng da tắc mật từng đợt
- D. Túi mật to
- E. Bụng trướng

Câu 16: Bé gái 5 tuổi nhập viện vì đau hạ sườn phải kèm sốt – bệnh 2 ngày. Tiền căn phát hiện nang ống mật chủ cách nhập viện 1 tháng chưa điều trị gì. Chẩn đoán nghi tới nhiều nhất

- A. Nhiễm trùng đường mật
- B. Viêm tụy
- C. Viêm ruột thừa
- D. Viêm túi mật
- E. Viêm đáy phổi phải

Câu 17: Khám bệnh nhi trên thấy có vàng da – vàng mắt, các xét nghiệm cận lâm sàng cần làm ngay trên bệnh nhi này. NGOẠI TRỪ

- A. CRP
- B. Bilirubin máu
- C. Men gan
- D. Siêu âm bụng
- E. Chụp cộng hưởng từ túi mật

Câu 18: Xét nghiệm hình ảnh thường dùng nhất để chẩn đoán nang đường mật ở trẻ em

- A. X quang đường mật cản quang
- B. Siêu âm bụng
- C. Cộng hưởng từ mật tụy
- D. Câu A và B
- E. Câu B và C

Câu 19: Bé trai 2 tuổi bị vàng da tắc mật, bệnh nào có thể nghi tới

- A. Teo đường mật
- B** B. Nang đường mật
- C. Viêm gan
- D. Câu A và B**
- E. Tất cả đều đúng

Câu 20: Điều trị nang đường mật

- A. Điều trị sớm nhất có thể**
- A** B. Nên mổ khi nang > 2 cm
- C. Phải chụp CRCP trước mổ
- D. Bệnh nhi đang nhiễm trùng đường mật nên mổ sớm để giải quyết nguyên nhân gây nhiễm trùng
- E. Cắt nang sẽ dễ dàng hơn trên các bệnh nhi lớn do đó không cần mổ sớm

Câu 21: Trẻ 3 ngày tuổi không đi tiêu phân su sau sanh, bụng chướng to, ói dịch xanh. Chẩn đoán nghĩ tới

- A. Teo hồi tràng
- E** B. Teo đại tràng
- C. Bệnh Hirschsprung
- D. A và B
- E. **A, B và C**

Câu 22: Tiền căn mẹ đa ối thường gặp trong các bệnh sau. TRỪ

A. .

Câu 29: Tìm câu đúng

- A. Biến chứng cắt bao quy đầu là chảy máu**
- B. Chỉ định cắt bao quy đầu là khi có
- A** C. Chỉ định cắt bao quy đầu là khi có cong dương vật
- D. Chỉ định cắt bao quy đầu khi có vùi dương vật
- E. Tất cả đều đúng

Câu 30: Tìm câu sai

- A. Chỉ định tuyệt đối cắt bao quy đầu là BXO
- B. Cắt bao quy đầu có thể gây thủng niệu đạo
- C** **C. Cắt bao quy đầu là thủ thuật đơn giản ít gây biến chứng**
- D. Không cắt bao quy đầu ở trẻ bị vùi dương vật
- E. Biến chứng cắt bao quy đầu là hẹp lỗ sáo

Câu 31: Chống chỉ định cắt bao quy đầu

- A. Theo tôn giáo
- B. BXO
- D** C. Dài da quy đầu
- D. Thoát vị bẹn túi ...**
- E. Hẹp da quy đầu đang nông da quy đầu

Câu 32: Thương tổn nào không phải biến chứng cắt bao quy đầu

- A. Phù nề da quy đầu**

- E B. Sẹo xấu
C. Thủng niện đạo
D. Hẹp miệng sao
E. Són tiểu sau cắt da quy đầu

Câu 33: Thận bắt đầu bài tiết ra nước tiểu ở tuần lễ thứ

- A. 10
B. 12
A C. 14
D. 16
E. 18

Câu 34: Dẫn đường tiết niệu trên có nghĩa là , ngoại trừ

- A. Sự rỗng hóa đường tiết niệu chưa hoàn chỉnh
B. Sự trưởng thành chậm của đường tiết niệu
E C. Đã có tắc ở bên dưới
D. Chưa chắc chắn, có thể thay đổi theo thời gian, tốt hơn hoặc xấu hơn
E. Là một trường hợp điển hình Sau phẫu thuật

Câu 35: Có thể phát hiện được ứ nước ở thận thai nhi tuần lễ thứ:

- A. 15
B. 18
A C. 20
D. 25
E. 30

Câu 36: Dấu hiệu nào sau đây gợi ý có tắc ở đường tiết niệu

- A. Bụng trướng
B. Đau bụng
C. Ói
D. Tiêu máu
D E. Tất cả đều đúng

Câu 37: Xạ hình thận trong chẩn đoán tắc khúc nối bể thận niệu quản là

- A. Một phương tiện cận lâm sàng cần thiết để chẩn đoán
A B. Cho biết chứng năng chính xác mỗi bên thận
C. Sử dụng cho mọi lứa tuổi
D. Có thể áp dụng thường quy cho tất cả trường hợp có thận ứ nước
E. Có tính phổ biến

Câu 38: Dị dạng nào không hay phối hợp với hẹp khúc nối bể thận niệu quản

- A. Thận đa nang
B. Trào ngược bàng quang niệu quản
D C. Thận và niệu quản dài
D. Thận lạc chỗ
E. Nhóm VACTERL

Câu 39: Phim chụp bộ niệu đường tĩnh mạch (UIV) cho biết

- A. Hình ảnh dẫn đài bể thận (nếu có)
- B. Cho biết chính xác chức năng thận
- A C. Đánh giá chính xác tắc nghẽn hệ niệu
- D. Là chận lâm sàng thay thế được siêu âm
- E. Áp dụng thường quy cho mọi trường hợp thận ứ nước

Câu 40: Tinh hoàng ản: tìm câu đúng

- A. Gặp nhiều ở trẻ sinh non
- B. Nên được mổ càng sớm càng tốt ngay ở tuổi sơ sinh
- A C. Hay còn gọi là tinh hoàn di động
- D. Tinh hoàn di chuyển qua ống bẹn trong 2 tháng đầu của thai kỳ
- E. ...

Câu 41: Câu đúng

- A. Tinh hoàng ản gặp nhiều ở trẻ sinh non
- B. Tinh hoàng ản nên được mổ càng sớm càng tốt
- C. Tinh hoàn trong ổ bụng là tinh hoàn lạc chỗ
- D. Tinh hoàn di chuyển qua ống bẹn trong 3 tháng đầu của thai kỳ
- E. Khi sờ được tinh hoàn phải xác định bằng SÂ

Câu 42: Tuổi nhỏ nhất để mổ tinh hoàng ản là

- A. 1 tháng
- D. 12 tháng
- B. 3 tháng
- E. 18 tháng
- C. 6 tháng

Câu 43: Tinh hoàng ản ở trẻ Non tháng

- A. Ít gặp hơn ở trẻ sinh đủ tháng
- B. Thường bắt đầu tự di chuyển xuống bìu khi trẻ được 6 tháng tuổi
- C. Tỷ lệ di chuyển xuống bìu cao nhất trong 12 tháng đầu sau sanh
- D. Cần phẫu thuật can thiệp khi ở thời điểm 3 tháng tuổi
- E. Có thể 1 hoặc 2 bên

Câu 44: Tinh hoàn di động

Câu 45: Tinh hoàn di động

Câu 46: Bệnh lý thoát vị bẹn ở trẻ em là:

- A. Do thành bụng của trẻ em yếu
- B. Thường gặp ở trẻ tăng động
- C. Do tồn tại ống phúc tinh mạc
- D. Do có nhiều dịch trong ổ bụng thoát xuống bẹn
- E. Do biến chứng phẫu thuật vùng bẹn bìu

Câu 47: Chọn câu đúng về bệnh lí tồn tại ống phúc tinh mạc ở trẻ em

- A. Tần xuất 0,8-4 % trẻ em
- B. Trẻ sanh non có tỉ lệ cao khoảng 30%
- C. Thường gặp năm đầu tháng đầu
- D. Nam bệnh nhiều hơn nữ
- E. Tất cả đều đúng

Câu 48: Xử trí bệnh lí tồn tại ống phúc tinh mạc chọn câu SAI:

- A. Thoát bì bẹn mổ sớm ngay khi có chẩn đoán
- B. Thủy tinh mạc, mang thừng tinh mổ từ 12-24 tháng tuổi
- C. Nguyên tắc phẫu thuật là cột thắt ống phúc tinh mạc
- D. Thoát vị bẹn ở nữ (thoát vị ống nuck) thường tự lành không cần phẫu thuật
- E. Mổ thoát vị ống nuck phải mở ống nuck kiểm tra do 20 % là thoát vị bẹn

Câu 49: Chẩn đoán phân biệt thoát vị bẹn:

- A. Viêm hạch bẹn bìu
- B. Viêm mào tinh hoàn
- C. Viêm tinh hoàn
- D. Xoắn tinh hoàn
- E. Tất cả đều đúng

Câu 50: Thoát vị bẹn

Câu 51: Thủy tinh mạc:

Câu 52: Thoát bì bẹn. Chọn câu sai

- A. Có khả năng tự lành sau 3 tuổi
- B. Phẫu thuật ngay khi có chẩn đoán
- C. Ở bé gái còn gọi là thoát vị ống Nuck
- D. Bệnh sử đóng vai trò quan trọng trong chẩn đoán
- E. Không đáp án nào đúng

Câu 53: Câu nào sau đây đúng về siêu âm trong chẩn đoán lồng ruột

- A. Độ nhạy là và đặc hiệu là 90%
- B. Hình ảnh Cocarde trên mặt cắt ngang
- C. Hình “ giả thận” hay “bánh mì sandwich” trên mặt cắt dọc
- D. Chỉ B và C đúng
- E. Tất cả đều đúng

Câu 54: Sinh lý bệnh của lồng ruột

- A. Tắc ruột cơ học gây nôn và đau bụng từng cơn
- B. Chèn ép tĩnh mạch và bạch mạch gây phù nề ruột
- C. Chèn ép động mạch gây thiếu máu nuôi và hoại tử ruột
- D. Chỉ B và C đúng
- E. Tất cả đều đúng

Câu 55: Hình hướng dùng cho câu 55 và 56 : bé gái 9 tháng tuổi, quấy khóc và ối ra sữa cách nhập viện 50 giờ. Ới dịch xanh sốt từ cách nhập viện 3 giờ. Khám mạch 150l/p; T 39 °C; NT 40 l/p; HA 100/60 mmHg, bụng chướng vừa, ấn đau khắp bụng. Cận lâm sàng cần làm

- A. Siêu âm bụng
- B. X quang bụng không sữa soạn
- C. Công thức máu
- D. CRP, ion đồ
- E. Tất cả đều đúng

Câu 56: Xử trí nào cần thiết

- A. Đặt thông mũi dạ dày
- B. Đặt thông thực tràng
- C. Dịch truyền bù nước và điện giải
- D. Kháng sinh, hạ sốt
- E. Tất cả các câu trên

Câu 57: Lồng ruột có nguyên nhân, Chọn câu SAI

- A. Thường gặp là do túi thừa Meckel, polyp, u nang ruột đôi
- B. Triệu chứng tương tự như lồng ruột nguyên phát ở trẻ nhũ nhi
- C. Thường tái phát nếu chưa xử lý nguyên nhân
- D. Là chỉ định phải mổ tháo lồng
- E. Thường gặp trên lồng ruột ở trẻ lớn

Câu 58: Triệu chứng của lồng ruột, chọn câu SAI

- A. Tam chứng kinh điển: không thét, ói vọt, đi cầu nhầy máu
- B. Sờ thấy u lồng là triệu chứng đáng tin cậy
- C. Bụng chướng căng, sốt cao, ọc dịch xanh gợi ý có biến chứng
- D. Tiêu nhầy máu là triệu chứng muộn sau đau bụng 12h
- E. Đau hố chậu phải rỗng (dấu hiệu Dance) là triệu chứng không có giá trị

Câu 59: Tìm câu sai: lồng ruột

- A. Hội chứng tắc ruột
- B. Chỉ xảy ra ở tuổi nhũ nhi
- C. Xuất độ thường gặp ở trẻ dinh dưỡng tốt (bụ bẫm)
- D. Năm gặp nhiều hơn nữ
- E. Đa số trường hợp không có nguyên nhân

Câu 60: Chỉ định phẫu thuật trong bệnh lý lồng ruột ở trẻ em

- A. Đến trễ hơn 24 h sau tiếng khóc thét đầu tiên
- B. Tháo lồng không mổ thất bại
- C. Biến chứng viêm phúc mạc do hoại tử ruột
- D. B và C đúng
- E. A, B và C đúng